

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30/6/2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Minh Tân;

2. Ông Lê Anh Việt;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Lâm Hoàng Huỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông Trần Hữu Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 06 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2022/TLST- HNGĐ, ngày 16/03/2022 về “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 6/5/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 2001 (có mặt);

Địa chỉ: Số 789, tổ 8, ấp Tân A, xã Tân Nhuận Đ, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Nguyễn Minh Tr, sinh năm 1996 (có mặt);

Địa chỉ: ấp Phú H, xã Phú L, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Trước đây chị và anh Tr có quen biết sau thời gian tìm hiểu nên tiến đến hôn nhân vào năm 2017, có tổ chức cưới vợ chồng chung sống đến năm 2019 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh

Đồng Tháp. Vợ chồng chung sống với nhau đến tháng 9/2020 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không còn phù hợp, anh Tr không lo làm ăn, anh Tr nghi ngờ chị T có tình cảm với người khác nên thường hay đập phá đồ đạc trong nhà dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Tháng 9/2020 chị T về nhà mẹ ruột sinh sống nên vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Hiện nay tình cảm không còn nên chị T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Minh Tr.

- Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Minh N sinh ngày 8/12/2017 (con đang sống với chị T). Chị T yêu cầu được nuôi con sau khi ly hôn chị không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: chị T trình bày không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa anh Nguyễn Minh Tr trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T có quen biết tìm hiểu nhau vào khoảng năm 2016 – 2017 đến tháng 5/2017 có tổ chức cưới. Vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2019 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2020 đầu năm 2021, thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vấn đề tiền bạc của vợ chồng và anh nghi ngờ chị T có tình cảm với người đàn ông khác nên vợ chồng cãi nhau. Vì vậy, chị T đã bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống nên vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Hiện tình cảm không còn nên chị T xin ly hôn thì anh Tr đồng ý.

- Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Minh N sinh ngày 8/12/2017 (con đang sống với chị T). Anh Tr không đồng ý để con cho chị T nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Anh Tr yêu cầu được nuôi cháu N sau khi ly hôn, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: thẩm phán đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách của người tham gia tố tụng, thu thập đầy đủ chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quyền và N vụ tố tụng quy định tại Điều 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Nguyễn Minh Tr.

Về con chung: chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu Nguyễn Minh N cho chị T nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: chị T và anh Tr trình bày không có không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Nguyễn Minh Tr là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con chung qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Tr có hộ khẩu thường trú tại ấp Phú Hòa, xã Phú Long, huyện Châu Thành nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Nguyễn Minh Tr chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được pháp luật công nhận hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Vợ chồng chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn về vấn đề tình cảm và tiền bạc nên chị T đã về nhà mẹ ruột sinh sống từ tháng 9/2020 vì vậy vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay.

Xét thấy, từ khi chị T và anh Tr sống ly thân với nhau đến nay, thời gian cũng đã lâu nhưng anh, chị cũng không thể đoàn tụ chung sống lại được, vợ chồng cũng không còn tình cảm với nhau nên chị T ly hôn anh Tr cũng đồng ý. Từ đó chứng tỏ rằng mâu thuẫn giữa chị T và anh Tr đã thật sự trầm Tr, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc T với Nguyễn Minh Tr.

[2.2] Về con chung: chị T yêu cầu được nuôi Nguyễn Minh N sinh ngày 8/12/2017 sau khi ly hôn, chị T không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Minh Tr không đồng ý để Minh N cho chị T nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Anh Tr yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi chị T và anh Tr sống ly thân cháu N sống với chị T 01 tuần, sống với anh Tr 01 tuần, chị T và anh Tr hiện sống cùng với gia đình vẫn chưa có nhà riêng. Chị T hiện là công nhân tại công ty Cửu Long thu nhập mỗi tuần khoảng 750.000đ, anh Tr làm thuê tự do nên thu nhập không ổn định. Cháu N hiện còn rất nhỏ cần được sự quan tâm chăm sóc từ mẹ. Do vậy, để đảm bảo sự phát triển toàn diện của cháu N nên giao cháu cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: chị T và anh Tr trình bày không có nên không yêu cầu giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/TBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội. Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như đã phân tích trên là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/TBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* chị Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với anh Nguyễn Minh Tr.

2. *Về con chung:* giao cháu Nguyễn Minh N sinh ngày 8/12/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con (cháu N đang sống với chị T).

Sau khi ly hôn, anh Tr có quyền đến thăm nom, chăm sóc con không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: chị T và anh Tr xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp ngày 16/03/2022 theo biên lai số 0009050 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành được chuyển thành án phí chị T phải nộp.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKS nhân dân huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- UBND xã Phú L, huyện C (Số 79/2019 ngày 01/11/2019);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Hồng Loan